

CHUYÊN ĐỀ 12.1. THIÊN TAI VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG
(Thời gian thực hiện: 10 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân và phân loại thiên tai.
- Trình bày được một số thiên tai và nơi thường xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên nhân, hậu quả của mỗi loại và xác định được các biện pháp phòng chống.
- Liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp).
- Thu thập được tranh ảnh, số liệu, video clip,... để trưng bày một số chủ đề về thiên tai ở nước ta.
- Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập; xác định được cách tư duy, làm việc hiệu quả để thực hiện nhiệm vụ học tập.
 - + Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi làm việc nhóm.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học địa lí: giải thích được cơ chế diễn ra một số thiên tai, phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương; giải thích được những hệ quả (tích cực, tiêu cực) do con người tác động đến môi trường tự nhiên.
 - + Tìm hiểu địa lí: tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; thu thập được tranh ảnh, số liệu, video clip,... để trưng bày một số chủ yếu về thiên tai ở nước ta.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương.

Tích hợp năng lực số và AI: 6.2NC1b: Dùng công cụ vẽ tranh/tạo video AI (Gemini, Canva AI,...) để thiết kế các poster, video ngắn tuyên truyền kỹ năng phòng chống thiên tai, tạo side thuyết trình về các thiên tai chủ yếu

3. Phẩm chất

- Có ý thức trách nhiệm trong phòng chống thiên tai và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
- Tôn trọng các quy luật của tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Video, hình ảnh về các loại thiên tai ở nước ta và biện pháp phòng chống,...
- Bảng số liệu thống kê số lượng, thiệt hại của các thiên tai,...
- Lược đồ về sự phân bố các loại thiên tai ở nước ta.
- Phiếu học tập, phiếu đánh giá.
- Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

2. Học sinh

Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ôn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Kết nối tri thức HS đã có về các loại thiên tai ở nước ta với nội dung chuyên đề.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung chuyên đề.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV cho HS xem một đoạn video hoặc hình ảnh về tình hình thiên tai của nước ta trong năm vừa qua, sau đó đặt câu hỏi gợi mở, để dẫn dắt vào nội dung bài học:
 - + Qua đoạn video hoặc hình ảnh em có nhận xét gì về thiên tai ở nước ta?
 - + Theo em thiên tai có phòng chống được không?
- Bước 2: HS quan sát video hoặc hình ảnh và dựa vào kiến thức đã có tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời.
- Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào chuyên đề.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu những vấn đề chung về thiên tai

a) Mục tiêu: Trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân, phân loại thiên tai.

b) Tổ chức thực hiện: GV Sử dụng kỹ thuật KWL

- Bước 1: GV yêu cầu HS kẻ bảng KWL vào vở, tự viết những điều đã biết (K), những điều muốn biết (W) về thiên tai vào hai ô K, W.

	K	1	
		2	
		3	
	W	1	
		2	
		3	
	L	1	
		2	
		3	

GV gợi ý HS viết về quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân, phân loại thiên tai.

GV tổ chức cho HS cả lớp cùng thảo luận, trao đổi về những điều HS muốn biết.

- Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ.
- Bước 3: HS vận dụng hiểu biết thực tế của mình để trao đổi với cả lớp, cùng tìm hiểu những điều muốn biết. HS tự viết những điều đã học được vào ô L. HS có thể đặt thêm câu hỏi cho GV để hiểu rõ những nội dung đã học được.
- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung:

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

I. Những vấn đề chung về thiên tai

a) Quan niệm về thiên tai

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội, bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

b) Đặc điểm của thiên tai

- Thiên tai có nhiều loại hình:
 - + Thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn.
 - + Thiên tai có nguồn gốc địa chất.
 - + Thiên tai có nguồn gốc sinh vật.
- Thiên tai có tính rủi ro: Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế – xã hội.
- Thiên tai xảy ra bất thường: gây ra những biến động có nguy cơ tàn phá môi trường, gây thiệt hại lớn đến của cải và tính mạng của con người.

c) Nguyên nhân gây ra thiên tai

- Nguyên nhân tự nhiên: các quá trình nội sinh làm các mảng kiến tạo di chuyển hoặc sự đứt gãy trong

vỏ Trái Đất; các quá trình ngoại sinh làm thay đổi trạng thái của khí quyển, thủy quyển.
- Nguyên nhân con người: gián tiếp gây ra thiên tai, các hoạt động của con người tác động đến môi trường và bầu khí quyển, gây mất cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Từ đó làm cho các thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, bất thường và cực đoan hơn.
- Sự phát triển của nhiều ngành kinh tế cũng tiềm ẩn nguy cơ làm cho các thiên tai khốc liệt hơn.
d) Phân loại thiên tai
- Theo nguồn gốc phát sinh:
+ Khí hậu (bão, áp thấp nhiệt đới,...)
+ Thủy văn (lũ, ngập lụt,...)
+ Địa chất (động đất, sạt lở đất,...)
+ Sinh vật (thủy triều đỏ, sinh vật gây hại,...)
+ Vũ trụ (thiên thạch, bão từ trường,...).
- Theo tốc độ diễn ra thiên tai:
+ Thiên tai diễn ra đột ngột, với tốc độ nhanh (động đất, lốc, sét,...)
+ Thiên tai diễn ra chậm, trong thời gian dài (hạn hán, En ni-nô,...).

2.2. Tìm hiểu một số thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam

a) Mục tiêu: Liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp).

b) Tổ chức thực hiện: GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.

- Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm. GV chia lớp thành 10 nhóm, mỗi nhóm 4 – 5 HS và giao nhiệm vụ cho các nhóm hoàn thành phiếu học tập:

- + Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu bão và áp thấp nhiệt đới.
- + Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu lũ lụt.
- + Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu hạn hán.
- + Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu sạt lở đất.
- + Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu xâm nhập mặn.

PHIẾU HỌC TẬP					
Thiên tai	Quan niệm	Nguyên nhân	Nơi thường xảy ra	Hậu quả	Biện pháp phòng chống
Bão và áp thấp nhiệt đới					
Lũ lụt					
Hạn hán					
Sạt lở đất					
Xâm nhập mặn					

Hình thức sản phẩm: tạo thành một sản phẩm có các thông tin kênh chữ, hình ảnh, biểu đồ, bảng số liệu, lược đồ..

Dùng công cụ vẽ tranh/tạo video AI (Gemini, Canva AI,...) để thiết kế các poster, video ngắn tuyên truyền kỹ năng phòng chống thiên tai, tạo side thuyết trình về các thiên tai chủ yếu

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Mỗi thành viên trong nhóm làm việc cá nhân, sau đó đưa kết quả thảo luận cùng nhóm để tổng hợp, chọn lọc kết quả chung của nhóm và thực hiện sản phẩm.

- Bước 3: Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả sản phẩm. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.

- Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN					
Thiên tai	Quan niệm	Nguyên nhân	Nơi thường xảy ra	Hậu quả	Biện pháp phòng chống

Bão và áp thấp nhiệt đới	- Áp thấp nhiệt đới là xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 6 đến cấp 7 và có thể có gió giật. - Bão là xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật.	Trên biển, nhiệt độ nước mặt cao, không khí nóng, ẩm bốc lên hình thành một vùng áp thấp. Không khí xung quanh chuyển động hướng về tâm vùng áp thấp gây nên gió xoáy rất mạnh.	- Ven biển Bắc Bộ, ven biển Trung Bộ. Nam Bộ hầu như không có bão. - Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam. + Ở Bắc Bộ và Thanh Hoá: từ tháng 6 - 8. + Từ Nghệ An đến Thừa Thiên Huế: từ tháng 9 - 10. + Duyên hải Nam Trung Bộ: mùa bão từ tháng 10 - 11. + Nam Bộ: tháng 12 (hiếm gặp).	- Thiệt hại về người. - Gây thiệt hại về kinh tế. - Thiệt hại về môi trường.	- Trước bão: + Theo dõi thông tin cảnh báo, dự báo bão. + Thu hoạch nông sản. + Gia cố, chằng chống nhà cửa, cắt tỉa cành cây; xác định nơi trú ẩn; chủ động sơ tán đảm bảo an toàn, phòng nước dâng. + Dự trữ nhu yếu phẩm. - Trong bão: + Theo dõi thông tin diễn biến bão. + Trú ẩn an toàn. + Đề phòng tai nạn. - Sau bão: + Khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất. + Kiểm tra lại nhà ở, các thiết bị trước khi sử dụng. + Dập dịch bệnh, xử lý môi trường.
Lũ lụt	- Lũ là hiện tượng mực nước sông dâng cao trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống. - Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ trên sườn dốc và trên các sông suối nhỏ miền núi, dòng chảy xiết, thường kèm theo bùn đá; lũ lên nhanh, xuống nhanh, có sức tàn phá lớn. - Ngập lụt là hiện tượng mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng.	- Tự nhiên: + Do mưa lớn kéo dài. + Lũ quét do mưa, độ dốc cao, địa hình hẹp và dài. + Ngập lụt do đặc điểm mạng lưới sông, do bão. + Biến đổi khí hậu. - Con người: xây dựng các công trình cản trở dòng chảy; nhà máy thủy điện điều tiết nước không hợp lý; vỡ đê; phá rừng,...	- Lũ có thể xuất hiện ở tất cả các con sông trong mùa mưa. - Lũ quét thường xảy ra ở vùng núi. - Ngập lụt: xảy ra ở đồng bằng hạ lưu các sông chính, có 3 vùng rõ rệt: + Vùng đồng bằng sông Hồng. + Vùng các đồng bằng ven biển miền Trung. + Vùng đồng bằng sông Cửu Long.	- Gây thiệt hại về người và tài sản. - Thiệt hại về cơ sở hạ tầng. - Thiệt hại cho các ngành kinh tế. - Thiệt hại về môi trường.	- Trước lũ: + Đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai. + Theo dõi thông tin cảnh báo mưa, lũ. + Sơ tán ra khỏi khu vực nguy hiểm. + Bảo vệ nguồn nước sạch của gia đình. + Dự trữ nhu yếu phẩm. + Thu hoạch nông sản. - Trong lũ: + Cắt nguồn điện sinh hoạt. + Di chuyển đến nơi an toàn. + Bảo vệ sản xuất, bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc thông suốt,... - Sau lũ: + Kiểm tra các trang thiết bị trước khi sử dụng. + Phòng chống dịch bệnh sau lũ và xử lý môi trường. + Khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất.

Hạn hán	Hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng xảy ra trong thời gian dài do không có mưa và cạn kiệt nguồn nước.	- Tự nhiên: + Mưa ít hoặc không mưa trong thời gian dài, mưa đến chậm; + Suy giảm khả năng điều tiết nguồn nước của rừng; + Hiện tượng En Ni-nô. - Con người: - sử dụng chưa hợp lý, nhu cầu nước tăng. + Sự biến đổi khí hậu do tác động của con người. + Phá rừng,...	Hạn nặng và rất nặng tập trung ở vùng phía Nam của nước ta, từ vĩ độ 16 độ trở xuống. - Tây Bắc: từ tháng 11 - 4 (Điện Biên, Sơn La). - Đông Bắc từ tháng 11 - 3 (Cao Bằng, Lạng Sơn). - Đồng bằng Bắc Bộ: tháng 11, 1, 2, 3. - Bắc Trung Bộ: tháng 6, 7. - Nam Trung Bộ: 5 - 8, tháng 2, 3 (nơi hạn nhất là Ninh Thuận). - Tây Nguyên: từ tháng 12 - 3. - Nam Bộ: từ tháng 12 - 4.	- Gây thiệt hại cho con người. - Thiệt hại cho sản xuất. - Thiệt hại về môi trường.	- Trước hạn hán: + Theo dõi dự báo thời tiết và cảnh báo hạn hán. + Xây dựng và tu bổ các công trình thủy lợi. - Trong hạn hán: + Theo dõi dự báo thời tiết. + Vận hành hợp lý các hồ chứa nước, công trình thủy điện, thủy lợi,... - Sau hạn hán: + Kiểm tra và sửa chữa hệ thống nước. + Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp.
Sạt lở đất	Quá trình chuyển động của các khối đất, đá về phía chân sườn dốc dưới tác động của trọng lực hoặc ở ven sông đất bị sụt, lún.	- Chấn động tự nhiên của mặt đất; mưa nhiều ngày, mưa lớn, lũ lớn; nền đất yếu. - Con người chặt phá rừng, khai thác cát, kê một bên sông.	Ở miền núi, nhất là vùng núi phía Bắc, Trường Sơn Bắc và một phần Tây Nguyên.	- Thiệt hại về người và tài sản. - Phá huỷ các công trình xây dựng, cản trở giao thông. - Mất đất trồng trọt.	- Trước sạt lở: + Trồng cây, bảo vệ rừng. + Không xây nhà ở nơi dễ xảy ra sạt lở đất. - Khi trời mưa to, kéo dài: + Theo dõi thông tin về các đợt mưa lớn kéo dài. + Sơ tán ra khỏi các nơi nguy hiểm. - Sau sạt lở: Tránh xa khu vực sạt lở đất.
Xâm nhập mặn	Hiện tượng nước mặn với nồng độ mặn 4‰ trở lên xâm nhập sâu vào nội đồng khi xảy ra triều cường, nước biển dâng hoặc cạn kiệt nguồn nước ngọt.	Nước biển dâng, triều cường và sự hạ thấp mực nước hoặc cạn kiệt nước ở vùng cửa sông trong đất liền.	Vùng đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô.	- Thiếu nước ngọt cho sản xuất và đời sống. - Làm biến đổi tính chất của đất, nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản,...	- Trồng rừng ven biển. - Xây dựng hệ thống thủy lợi. - Thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ,...

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Nhóm: Lớp:.....

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm đạt được
Nội dung	Trình bày rõ ràng hiện trạng	1,5	
	Nêu đầy đủ các nguyên nhân	1,5	
	Trình bày cụ thể hậu quả, có minh chứng	1,5	

	Nêu được các giải pháp thiết thực	1,5	
Hình thức	Hình ảnh, video, bản đồ,... khoa học	1	
	Sáng tạo, độc đáo	1	
Thuyết trình	Tự tin, nói to, rõ ràng, lưu loát	1	
	Trả lời câu hỏi của các nhóm rõ ràng	1	

2.3. Thực hành tìm hiểu về thiên tai ở Việt Nam

a) Mục tiêu:

- Thu thập, chọn lọc, xử lý thông tin về thiên tai ở nước ta.
- Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV cho các cặp HS tự chọn loại hình thiên tai và thiết kế sản phẩm học tập.
- Bước 2: HS làm việc theo cặp, thu thập thông tin, hoàn thành sản phẩm của nhóm mình.
- Bước 3: Đại diện một số cặp HS trình bày và giới thiệu sản phẩm, các cặp HS khác bổ sung, nhận xét.
- Bước 4: GV đánh giá, tổng kết. Sản phẩm có thể như sau:



BẠN PHẢI LÀM GÌ?

I. NHỮNG VIỆC NÊN LÀM

1. Luôn luôn cảnh giác, đề phòng khi có các dấu hiệu của lũ quét, nhất là khi có mưa lớn kéo dài (kể cả ban đêm).
2. Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo mưa, lũ quét (bao gồm cả khu vực thượng lưu) trên mọi phương tiện như tivi, loa, đài, internet,...
3. Thông báo cho chính quyền và những người xung quanh khi có dấu hiệu lũ quét.
4. Tránh xa các khu vực có nguy cơ lũ quét, không được lội qua sông, suối, ngâm, tràn, đường bị ngập,...
5. Sẵn sàng sơ tán theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, an toàn tính mạng là quan trọng nhất.
6. Chạy thật nhanh ra khỏi nơi nguy hiểm đến các khu vực, vị trí cao hơn.

II. NHỮNG VIỆC KHÔNG NÊN LÀM

1. Hạn chế đi lại qua sông, suối; không đi gần khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh.
2. Không được đánh cá, vớt củi, bơi lội qua sông, suối khi có mưa lớn hoặc thấy có dấu hiệu bất thường như nước từ trong chuyển sang đục dần.
3. Không lội xuống nước nếu nhìn thấy dây điện hoặc cột điện bị đổ xuống nước.

III. VIỆC LÀM THƯỜNG XUYÊN

1. Thường xuyên theo dõi thông tin mưa lũ trên báo, đài, tivi hoặc loa phát thanh công cộng, các mạng xã hội; quan sát các dấu hiệu có thể xảy ra lũ quét.
2. Tham gia tích cực các cuộc họp thôn bản để biết thông tin về mưa lũ và các biện pháp phòng ngừa.
3. Xác định vị trí an toàn hơn có thể trú ẩn khi có tình huống xảy ra.
4. Không nên xây nhà tại những nơi thường có lũ xảy ra, nơi gần dòng chảy, có độ dốc cao. Di dời nhà cửa đến vùng đất an toàn hơn.
5. Chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc và đồ sơ cứu y tế, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây...
6. Không phá rừng đầu nguồn hoặc khai thác gỗ bừa bãi. Trồng cây và bảo vệ rừng.

LŨ QUÉT LÀ GÌ?

Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ trên các lưu vực sông suối miền núi, nơi có độ dốc lớn, dòng chảy xiết, thường kèm theo đất đá, cây cối. Lũ lên nhanh, xuống nhanh, có sức tàn phá lớn. Khi xảy ra lũ quét thường kèm theo sạt lở đất, đá.

DẤU HIỆU

- Mưa lớn nhiều ngày, đặc biệt ở thượng lưu.
- Nước sông suối chuyển màu đục.
- Có tiếng động bất thường của đất đá, cây cối.
- Xuất hiện âm thanh lạ trong lòng đất.

Website: phongchongthientai.vn
CHUNG SỨC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu:

b) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm ra giấy, thống kê ngắn gọn lại theo bảng gợi ý trong SGK và trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm.
- Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.
- Bước 3: HS trình bày kết quả, các HS khác bổ sung, nhận xét.
- Bước 4: GV đưa ra kết quả, kết luận.

- Bảng thống kê một thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN					
Thiên tai	Quan niệm	Nguyên nhân	Nơi thường xảy ra	Hậu quả	Biện pháp phòng chống

Hạn hán	Hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng xảy ra trong thời gian dài do không có mưa và cạn kiệt nguồn nước. - Tự nhiên: + Mưa ít hoặc không mưa trong thời gian dài, mưa đến chậm; + Suy giảm khả năng điều tiết nguồn nước của rừng; + Hiện tượng En Ni-nô. - Con người: sử dụng chưa hợp lý, nhu cầu nước tăng. + Sự biến đổi khí hậu do tác động của con người. + Phá rừng,...	Hạn nặng và rất nặng tập trung ở vùng phía Nam của nước ta, từ vĩ độ 16 độ trở xuống. - Tây Bắc: từ tháng 11 - 4 (Điện Biên, Sơn La). - Đông Bắc từ tháng 11 - 3 (Cao Bằng, Lạng Sơn). - Đồng bằng Bắc Bộ: tháng 11, 1, 2, 3. - Bắc Trung Bộ: tháng 6, 7. - Nam Trung Bộ: 5 - 8, tháng 2, 3 (nơi hạn nhất là Ninh Thuận). - Tây Nguyên: từ tháng 12 - 3. - Nam Bộ: từ tháng 12 - 4.	- Gây thiệt hại cho con người. - Thiệt hại cho sản xuất. - Thiệt hại về môi trường.	- Trước hạn hán: + Theo dõi dự báo thời tiết và cảnh báo hạn hán. + Xây dựng và tu bổ các công trình thủy lợi. - Trong hạn hán: + Theo dõi dự báo thời tiết. + Vận hành hợp lý các hồ chứa nước, công trình thủy điện, thủy lợi,... - Sau hạn hán: + Kiểm tra và sửa chữa hệ thống nước. + Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp.
----------------	--	--	---	---

- Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Khu vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão và áp thấp nhiệt đới của nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải miền Trung. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Xoáy thuận nhiệt đới là bão khi có sức gió mạnh nhất từ cấp

- A. 7 trở lên. B. 8 trở lên. C. 9 trở lên. D. 10 trở lên.

Câu 3. Trung bình hằng năm nước ta chịu ảnh hưởng trực tiếp của bao nhiêu cơn bão và áp thấp nhiệt đới?

- A. Khoảng 5 đến 6. B. Khoảng 7 đến 8.
C. Khoảng 3 đến 5. D. Khoảng 11 đến 12.

Câu 4. Khu vực nào ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất của lũ quét?

- A. Vùng đồi trung du ở phía bắc. B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải miền Trung. D. Trường Sơn Bắc, vùng núi phía Bắc.

Câu 5. Xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng nhất ở

- A. đồng bằng sông Hồng. B. đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Bắc. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 6. Dấu hiệu nào sau đây nhận biết lũ quét sắp xảy ra?

- A. Nước sông chuyển màu đục. B. Nhiệt độ tăng cao bất thường.
C. Xuất hiện mây đen trên bầu trời. D. Mưa lớn nhiều ngày ở hạ lưu.

Câu 7. Cơn bão nào sau đây đổ bộ vào Cà Mau năm 1997 đã gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản?

- A. Chanchu. B. Linda. C. Damrey. D. Ketsana.

Câu 8. Để phòng chống lũ lụt, Đồng bằng sông Cửu Long cần

- A. củng cố vững chắc hệ thống đê. B. xây dựng các hồ chứa cát lũ.
C. có các giải pháp “sống chung” với lũ. D. Đẩy mạnh trồng rừng đầu nguồn.

Câu 9. Loại thiên tai nào sau đây diễn ra chậm, trong thời gian dài?

- A. Động đất. B. En Ni-nô. C. Ngập lụt. D. Sạt lở đất.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ thực tế thiên tai tại địa phương.

b) **Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm thông tin và trình bày về một thiên tai thường xảy ra ở địa phương.
- Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.
- Bước 3: HS báo cáo kết quả với GV vào buổi học sau.
- Bước 4: GV nhận xét và đánh giá.

Thiên tai bão tại Thành phố Đà Nẵng

1. Thời gian ảnh hưởng

Theo nguồn từ trang web chính thức của thành phố Đà Nẵng và Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Việt Nam:

- Thời điểm thường xuyên xảy ra: Các tháng 9 đến 11 hàng năm, là giai đoạn cơn bão nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào miền Trung Việt Nam.
- Tần suất ảnh hưởng: Trung bình mỗi năm có 2-3 cơn bão và áp thấp nhiệt đới tác động trực tiếp đến Đà Nẵng, trong đó có các cơn bão mạnh như bão Xangsane (2006), bão Ketsana (2009), bão Nari (2013) và các cơn bão lớn cuối năm 2025.

2. Đặc điểm của bão tại Đà Nẵng

- Tính cường độ: Bão lớn thường có gió giật cấp 8 trở lên, thậm chí cấp 12 đối với siêu bão, kèm theo mưa cực đoan, sóng lớn và triều cường.
- Ảnh hưởng kết hợp: Bão thường kích hoạt các thiên tai phụ như lũ quét tại miền núi phía Tây, ngập lụt tại đồng bằng ven sông và ven biển, sạt lở đất tại các khu vực địa hình dốc.
- Ảnh hưởng khu vực: Khu vực ven biển từ Liên Chiểu - Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn đến Hội An, Điện Bàn là vùng chịu tác động mạnh nhất của gió bão, sóng lớn và nước dâng do bão. Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn cũng bị ảnh hưởng nặng nề khi có mưa lớn kéo dài.

3. Hậu quả của bão tại Đà Nẵng

Theo dữ liệu từ năm 1998 đến nay, các cơn bão đã gây ra thiệt hại rất nặng nề:

- Người và tài sản: Từ 1998 đến nay, thiên tai (chủ yếu do bão và lũ lụt) đã làm 219 người chết, 226 người bị thương, 138.134 nhà cửa hư hỏng nặng.
- Hạ tầng: Cơ sở hạ tầng giao thông, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước bị phá hủy, nhiều tuyến đường bị sạt lở gây ách tắc giao thông trong nhiều ngày.
- Kinh tế và đời sống: Tổng thiệt hại ước tính hơn 10.000 tỷ đồng, hàng chục nghìn hộ dân bị ngập nước, bị cô lập, đời sống sinh hoạt bị gián đoạn nghiêm trọng. Đặc biệt, các khu du lịch ven biển như Cù Lao Chàm, bãi biển An Bàng cũng bị ảnh hưởng nặng nề.
- Thiên tai phụ: Bão cũng là nguyên nhân gây ra lũ quét tại Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, sạt lở đất tại các khu vực sườn đồi, xói lở bờ biển với mức xâm thực đạt 10-50 mét trong các năm thời tiết cực đoan.

4. Giải pháp phòng chống và khắc phục hậu quả

4.1 Giải pháp ngắn hạn

- Phòng ngừa sớm: Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn thành phố đã xây dựng 5 kịch bản ứng phó với các mức độ bão và lũ lụt khác nhau, từ bão cấp 8-11 đến siêu bão, lũ quét và vỡ hồ chứa.
- Công tác cứu hộ: Tổ chức lực lượng vũ trang, cảnh sát để thực hiện phương án "4 tại chỗ" (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ), di dời dân khỏi vùng nguy hiểm, hỗ trợ sơ tán nhân dân và khắc phục hậu quả.

- Thông tin truyền thông: Cập nhật liên tục tình hình thiên tai qua website, ứng dụng di động và các kênh truyền thông chính thức để tránh thông tin sai lệch gây hoang mang cho người dân.

4.2 Giải pháp trung hạn và dài hạn

- Quy hoạch và đầu tư hạ tầng: Xây dựng Đề án "Xây dựng thành phố Đà Nẵng an toàn trong thiên tai đến năm 2030", đánh giá lại hệ thống thoát nước đô thị, xây dựng hành lang thoát lũ, củng cố hệ thống đê biển, đê cửa sông và kè chống sạt lở bờ biển (như kè Tam Tiến, kè Tam Hải, cụm công trình bảo vệ bờ biển Hội An).
- Công nghệ dự báo và cảnh báo: Tích hợp mạng lưới cảm biến IoT vào Trung tâm Quản lý điều hành thông minh (IOC) để đo đặc mực nước ngầm, lượng mưa và tốc độ dòng chảy theo thời gian thực, xây dựng hệ thống bản đồ số ngập lụt dựa trên trí tuệ nhân tạo để dự báo chính xác các điểm ngập sâu trước nhiều giờ và tự động phát cảnh báo sớm đến điện thoại của người dân.
- Di dời dân cư: Chủ động di dời dân sinh sống tại khu vực ven sông, suối, sườn đồi núi, ven biển có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở.
- Tuyên truyền và tập huấn: Tăng cường công tác tuyên truyền kỹ năng ứng phó thiên tai cho người dân, xây dựng nhà ở và công trình đảm bảo an toàn trước thiên tai.
- Đánh giá và cập nhật bản đồ thiên tai: Xây dựng bản đồ ngập lụt, bản đồ cảnh báo sạt lở đất chi tiết đến cấp xã, cập nhật liên tục theo tình hình thực tế và biến đổi khí hậu.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới.